

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN YÊN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày 04-3-2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN YÊN, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Quang Độ

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Mạnh Cường và bà Hà Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: bà Hoàng Quỳnh Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Bùi Xuân Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2022 tại Phòng xử án Toà án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/02/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Hà Hữu B – sinh năm 1979.

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: chị Phạm Thị P – sinh năm 1989.

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28/10/2021, Toà án nhận ngày 29/10/2021, thụ lý ngày 05/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Hà Hữu B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Phạm Thị P đăng ký kết hôn ngày 18/02/2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn chưa ai có vợ, có chồng.

Sau khi kết hôn, anh và chị P chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có quan điểm sống không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xảy ra

xô xát, không tôn trọng lẫn nhau. Giữa anh và chị P đã có thỏa thuận với nhau về việc ly hôn, chị P có viết và ký đơn ly hôn giữa anh và chị P nhưng sau đó chị P bỏ đi làm ăn, không về nhà. Chị P vẫn thường xuyên gọi điện thoại về cho các con để nói chuyện nhưng chị P không nói cho anh và các con biết chị đi làm gì, làm ở đâu và khi nào về.

Nay anh xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không còn chung sống một thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị P.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị P có 02 con chung là Hà Hữu N – sinh ngày 14/10/2008 và Hà Hữu N’ – sinh ngày 12/02/2014. Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh B khai anh và chị P không vay nợ chung với cơ quan, cá nhân hay tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn – chị Phạm Thị P, tại Biên bản làm việc ngày 06/12/2021, bà Vi Thị Xuân là mẹ đẻ của chị Phạm Thị P cung cấp thông tin: Quá trình chung sống vợ chồng giữa anh B và chị P, bà có biết anh chị có mâu thuẫn, bà cũng đã khuyên giải anh chị nhiều nhưng không có kết quả. Hiện nay chị P đang đi làm ăn xa, thường xuyên gọi điện thoại về cho bà để nói chuyện nhưng chị P không cho gia đình biết hiện nay đang làm gì và địa chỉ cụ thể ở đâu. Anh B có thông báo cho bà biết việc anh làm đơn khởi kiện ly hôn với chị P tại Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Quảng Ninh, Tòa án đã thụ lý vụ án. Sau đó bà đã thông báo lại cho chị P được biết, tuy nhiên chị P không có ý kiến gì. Do không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho chị P nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng như Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chị P tuy nhiên chị P không đến Tòa án, không có lý do.

Tòa án đã đến địa chỉ cư trú của anh B và chị P tại thôn Đ, xã T, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh để xác minh về mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh chị và được Trưởng thôn cùng chi hội trưởng Hội phụ nữ thôn cung cấp thông tin: Anh B và chị P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã T, huyện TY. Quá trình chung sống vợ chồng giữa anh chị có những bất đồng trong quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi, thôn cũng đã nhiều lần đến hòa giải mâu thuẫn cho vợ chồng anh chị nhưng không có kết quả. Khoảng tháng 6/2020 cho đến nay chị P không có mặt tại nơi cư trú, đi đâu, làm gì địa phương không nắm được.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 07/12/2021 của cháu Hà Hữu N – sinh ngày 14/10/2008 và Hà Hữu N’ – sinh ngày 12/02/2014 là con chung của anh B và chị P thể hiện: Từ khi chị P đi làm ăn kinh tế vẫn thường xuyên gọi điện thoại về cho các cháu nhưng không nói là đang làm gì, làm ở đâu và khi nào về và nguyện vọng của các cháu mong muốn được ở cùng với anh B.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY tại phiên tòa:

- Về tố tụng: trong quá trình từ giai đoạn thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt nguyên đơn cũng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật về việc có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp công khai chứng cứ cũng như không có quan điểm giải quyết vụ án, đã vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất và tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Hà Hữu B được ly hôn chị Phạm Thị P và giao con chung Hà Hữu N và Hà Hữu N' cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh B.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các đương sự, đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và sự vắng mặt của bị đơn:

[1.1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn – anh Hà Hữu B khởi kiện “về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bị đơn – chị Phạm Thị P (Nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TY theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự do đó việc Tòa án nhân dân huyện TY thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn:

Về sự vắng mặt của nguyên đơn tại phiên tòa: trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đều có mặt và thực hiện đầy đủ quy định theo trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Việc xét xử vụ án khi nguyên đơn vắng mặt đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn: sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bị đơn (chị P) theo quy định tại Chương X của Bộ luật Tố tụng dân sự như Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và đã xác minh. Tuy nhiên chị P không có phản hồi, không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của bị

đơn là thể hiện việc chị cố tình giấu địa chỉ, gây khó khăn cho việc giải quyết ly hôn, cố tình không chấp hành pháp luật. Do vậy, việc xét xử vắng mặt bị đơn không ảnh hưởng đến tính khách quan khi giải quyết vụ án, đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và các quy định khác có liên quan của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về ly hôn: quan hệ hôn nhân giữa anh Hà Hữu B và chị Phạm Thị P là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của anh B, Hội đồng xét xử thấy: mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa anh B và chị P phát sinh từ năm 2016, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát chủ yếu từ việc vợ chồng có quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng được thôn xóm hòa giải nhưng không có kết quả. chị P bỏ đi làm ăn kinh tế từ tháng 6/2020 đến nay, không thông báo cho gia đình cũng như chính quyền địa phương biết chị đang làm gì, ở đâu và khi nào về.

Còn đối với chị P, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết Thông báo phiên hòa giải tại nơi cư trú của chị P nhưng chị P đều vắng mặt không có lý do. Việc Tòa án triệu tập chị P để hòa giải cho hai vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị P đều không đến, nên Tòa án không thể hòa giải để vợ chồng đoàn tụ được đồng thời anh B có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Như vậy, thấy rằng việc không đến Tòa án để hòa giải của chị P đã thể hiện việc chị P không có thiện chí tham gia hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, mặt khác còn thể hiện ý thức chấp hành pháp luật không tốt, cố tình trốn tránh, giấu địa chỉ, gây khó khăn cho việc giải quyết ly hôn.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã đến địa chỉ cư trú của chị P tại thôn Đ, xã T, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh để xác minh về mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh chị và được thôn trưởng và Chi hội trưởng Hội phụ nữ thôn cung cấp thông tin: Anh B và chị P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã T, huyện TY. Quá trình chung sống vợ chồng giữa anh chị có những bất đồng trong quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi, thôn cũng đã nhiều lần đến hòa giải mâu thuẫn cho vợ chồng anh chị nhưng không có kết quả. Khoảng tháng 6/2020 cho đến nay chị P không có mặt tại nơi cư trú, đi đâu, làm gì địa phương không nắm được.

Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh B và chị P là có mâu thuẫn, những mâu thuẫn này đã phát sinh từ lâu, vợ chồng đã không chung sống cùng nhau một thời gian dài, tình cảm không còn, anh B làm đơn xin ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh B và chị P đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, đời sống chung vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình thấy đã đủ căn cứ cho ly hôn.

[3] Về tranh chấp nuôi con thì thấy: anh B và chị P có 02 con chung tên là Hà Hữu N, sinh ngày 14/10/2008 và Hà Hữu N', sinh ngày 12/02/2014. Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án anh B đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy việc giao con cho ai nuôi cần phải xét nguyện vọng của con và điều kiện để nuôi con thì thấy: Đối với chị P đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án làm việc, đến phiên tòa xét xử nhưng chị P không đến,

không có quan điểm về việc nuôi con khi ly hôn. Việc không đến Tòa án giải quyết vụ án của chị P thể hiện việc không chấp hành pháp luật, nên việc giao con chung cho chị P là không đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung đến khi thành niên và không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung của anh B là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của hai cháu N và N' nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: anh Hà Hữu B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Xét ý kiến của kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hà Hữu B.

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Hà Hữu B được ly hôn chị Phạm Thị P.

2. Về con chung: giao con chung Hà Hữu N, sinh ngày 14/10/2008 và Hà Hữu N', sinh ngày 12/02/2014 cho anh Hà Hữu B trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Phạm Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: anh Hà Hữu B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0012020 ngày 02/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TY, tỉnh Quảng Ninh. Anh B đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TY;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện TY;
- UBND xã T, huyện TY;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Độ

